TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Danh Kim Tuyến

Ông Nguyễn Bá Tòng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2025 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn H, sinh ngày 01/01/1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Số căn cước công dân: 094176011751 cấp ngày 16/03/2022

- *Bị đơn:* Ông Mai A, sinh ngày 01/01/1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Số căn cước công dân: 094074016863

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 26/02/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày:

Bà và ông Mai A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến ngày 06/02/2013 thì bà và ông A mới đăng ký kết hôn vào tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh S. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng bà đã có nhiều mâu thuẫn với nhau, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau như vợ chồng được nữa, hai vợ chồng bà đã ly thên với

nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Mai A. Bà H cũng xin vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Bà và ông Mai A có ba con chung tên Mai B, sinh năm 1995, Mai L, sinh năm 1997, Mai M, sinh năm 2006, hiện các cháu đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng, bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Quá trình tố tụng, bị đơn ông Mai A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Hôn không đến Tòa án để tham gia, cũng không có ý kiến gì.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn H được ly hôn với ông Mai A. Về con chung: các con chung giữa bà H và ông A đã trưởng thành, không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Mai A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai A và bà Nguyễn H là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh S và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà H, theo bà H cho rằng vợ chồng bà đã có nhiều mâu thuẫn với nhau, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau như vợ chồng được nữa, hai vợ chồng bà đã ly thên với nhau từ đầu năm 2019 đến nay nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Mai

A; Còn ông A được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn không đến Tòa án, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông A và bà H đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, hai người đã ly thân từ năm 2019 đến nay không thể hàn gắn, tình trạng mâu thuẫn giữa ông A và bà H đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, hai người đã ly thân từ năm 2019 đến là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông A.

[3] Về con chung: Ông Mai A và bà Nguyễn H có ba con chung gồm các cháu Mai B, sinh năm 1995, Mai L, sinh năm 1997, Mai M, sinh năm 2006, hiện các cháu đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng, bà không yêu cầu xem xét, giải quyết. Ông A cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng bà Nguyễn H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009814 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Mai A không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn H được ly hôn với ông Mai A.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng bà Nguyễn H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009814 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Mai A không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng